

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Vật lý; Chuyên ngành: Vật liệu và Linh kiện Nano

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Bùi Đình Tú

2. Ngày tháng năm sinh: 30/11/1980; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Thái Thọ, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): P501A - D5
- Trung Tự - Đống Đa - Hà Nội6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Phòng 2.2 E4, Trường Đại học Công nghệ -
ĐHQG Hà Nội, 144 Xuân Thủy - Cầu Giấy - Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0916514468;

E-mail: buidingtu@vnu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 12/2006 đến 07/2014: Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Công nghệ - ĐHQG Hà Nội

Từ 07/2007 đến 03/2014: Nghiên cứu viên tại Trường Đại học Công nghệ - ĐHQG Hà Nội

Từ 03/2012 đến 03/2015: Phó chủ tịch Công đoàn Khoa VLKT&CNNN tại Trường Đại học Công nghệ -
ĐHQG Hà NộiTừ 04/2015 đến 12/2020: Chủ tịch Công đoàn Khoa VLKT&CNNN tại Trường Đại học Công nghệ - ĐHQG
Hà NộiTừ 04/2016 đến 06/2023: Ủy viên BCH công đoàn trường ĐHCN/ Chủ nhiệm ủy ban kiểm tra công đoàn
Trường tại Trường Đại học Công nghệ - ĐHQG Hà NộiTừ 10/2017 đến 06/2020: Ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy trường ĐHCN tại Trường Đại học Công nghệ -
ĐHQG Hà NộiTừ 04/2019 đến 04/2024: Chủ nhiệm Bộ môn kỹ thuật năng lượng - Khoa Vật lý kỹ thuật và Công nghệ
Nano tại Trường Đại học Công nghệ - ĐHQG Hà NộiTừ 06/2020 đến 06/2025: Bí thư chi bộ Vật lý kỹ thuật và công nghệ nano tại Trường Đại học Công nghệ -
ĐHQG Hà NộiTừ 12/2020 đến 06/2025: Phó chủ nhiệm khoa VLKT&CNNN tại Trường Đại học Công nghệ - ĐHQG Hà
Nội

Từ 12/2021 đến 06/2025: Phó chủ tịch hội đồng khoa học và đào tạo Khoa Vật lý kỹ thuật và Công nghệ Nano nhiệm kỳ 2021-2026 tại Trường Đại học Công nghệ - ĐHQG Hà Nội

Từ 04/2021 đến 06/2025: Phụ trách Khoa Vật lý kỹ thuật và Công nghệ Nano tại Trường Đại học Công nghệ - ĐHQG Hà Nội

Chức vụ hiện nay: Phó chủ nhiệm Khoa, Phụ trách Khoa Vật lý kỹ thuật và Công nghệ Nano - Trường Đại học Công nghệ - ĐHQG Hà Nội; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó chủ nhiệm Khoa, Phụ trách Khoa Vật lý kỹ thuật và Công nghệ Nano - Trường Đại học Công nghệ - ĐHQG Hà Nội

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Công nghệ - ĐHQG Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: 144 Xuân Thủy - Cầu Giấy - Hà Nội

Điện thoại cơ quan:

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 05 tháng 09 năm 2003, số văn bằng: B457277, ngành: Vật lý kỹ thuật, chuyên ngành: Kỹ thuật hạt nhân và Vật lý môi trường

Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Đại học Bách Khoa Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 2 tháng 11 năm 2005, số văn bằng: 000246, ngành: Khoa Học Vật liệu, chuyên ngành: Khoa học Vật liệu

Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng TS [5] ngày 03 tháng 02 năm 2015, số văn bằng: QT000998, ngành: Vật liệu và Linh kiện nano, chuyên ngành: Vật liệu và Linh kiện nano

Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Trường Đại học Công Nghệ - ĐHQG Hà Nội, Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Vật lý

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Cảm biến từ và các thiết bị đo lường ứng dụng vật liệu từ tính
- Vật liệu tiên tiến và vật liệu đa chức năng (multiferroic materials)
- Vật liệu hấp thụ sóng điện từ và các ứng dụng xử lý môi trường, năng lượng

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 5 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận án ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 2 cấp Bộ; 2 cấp Cơ sở;
- Đã công bố (số lượng) 60 bài báo khoa học, trong đó 25 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 3 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 1, trong đó 1 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng

1	Bằng Khen Đạt thành tích xuất sắc trong năm học 2020-2021	Đại Học Quốc Gia Hà Nội	2021
2	Bằng khen thành tích xuất sắc trong công tác nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo năm 2022	Đại Học Quốc Gia Hà Nội	2023
3	Bằng khen thành tích xuất sắc trong công tác nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo năm 2023	Đại Học Quốc Gia Hà Nội	2024
4	Đạt thành tích xuất sắc trong hoạt động công đoàn năm 2009-2010	Công Đoàn Đại Học Quốc Gia Hà Nội	2010
5	Chiến sĩ thi đua cấp bộ	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2020
6	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2016-2017	Cơ sở	2017
7	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2017-2018	Cơ sở	2018
8	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2018-2019	Cơ sở	2019
9	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2019-2020	Cơ sở	2020
10	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2020-2021	Cơ sở	2021
11	Chiến sĩ thi đua cấp ĐHQG Hà Nội	ĐHQG Hà Nội	2019
12	Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2019	Cơ sở	2019
13	Giấy chứng nhận: Hướng dẫn sinh viên thực hiện đề tài đạt giải Ba, Giải thưởng khoa học và Công nghệ dành cho sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học năm 2024	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2024

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Trong quá trình công tác tại Trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN từ năm 2006 đến nay, tôi luôn nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, thể hiện sự nhiệt huyết trong công việc. Tôi luôn có tinh thần học hỏi từ những điều nhỏ nhất để trau dồi kiến thức kỹ năng trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Luôn học hỏi tư duy nghiên cứu và định hướng nghiên cứu từ những người đi trước, những giáo sư uy tín trong ngành tại Việt Nam hoặc các Giáo sư nước ngoài mà tôi có cơ hội được tiếp xúc và học tập. Luôn hỗ trợ đồng nghiệp và sinh viên tận tình và tận tâm. Tôi cũng tích cực tham gia quảng bá hình ảnh của Khoa và Nhà trường, chủ động thúc đẩy hợp tác nhằm tạo thêm cơ hội thực tập và việc làm cho sinh viên.

- Về giảng dạy: tôi chủ động cập nhật, xây dựng đề cương học phần và bài giảng chi tiết phù hợp với trình độ người học, lựa chọn phương pháp giảng dạy cơ bản, dễ hiểu, sát thực tế, giúp sinh viên phát triển tư duy phân tích và khả năng đánh giá. Tôi không ngại học kiến thức mới để tham gia giảng dạy các học phần mới. Bên

canh đó, tôi tích cực hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, tham gia Olympic Vật lý sinh viên toàn quốc, hướng dẫn học viên cao học.

- *Về nghiên cứu khoa học:* Với nhận thức sâu sắc về vai trò và trách nhiệm của một giảng viên đại học, Tôi luôn chủ động phát triển và triển khai các hướng nghiên cứu cả cơ bản lẫn ứng dụng, đặc biệt tập trung vào các lĩnh vực mũi nhọn như ứng dụng từ trường, công nghệ nano, thiết bị điện tử - năng lượng và cảm biến từ trường trong sinh học. Tôi luôn tích cực kết nối và phối hợp hiệu quả với các cán bộ trong Khoa, Bộ môn chuyên môn, cũng như các đơn vị nghiên cứu uy tín như Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Viện Ứng dụng (Bộ Khoa học và Công nghệ), qua đó thực hiện thành công nhiều đề tài cấp Trường, cấp Đại học Quốc gia, cũng như các chương trình trọng điểm về bán dẫn do ĐHQGHN chủ trì. Trong tinh thần cầu thị và cởi mở học thuật, tôi luôn chủ động thiết lập và duy trì mạng lưới hợp tác khoa học với các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước, từ đó tạo nền tảng cho nhiều ý tưởng nghiên cứu mới, mang tính thời sự và bắt kịp xu thế quốc tế. Nỗ lực không ngừng trong công tác nghiên cứu khoa học đã mang lại nhiều kết quả đáng ghi nhận, thể hiện qua các công bố quốc tế thuộc danh mục ISI trong các lĩnh vực năng lượng, môi trường và vật liệu mới.

- *Về phục vụ và phát triển cộng đồng:* Tham gia công tác cố vấn học tập cho lớp K59E, K63E, K65E; hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt thành tích cao hằng năm trong đó thành tích nổi bật năm 2023 có một nhóm đạt giải nhì NCKH cấp ĐHQG Hà Nội; Năm 2024 có một nhóm đạt giải 3 cấp Bộ giáo dục và đào tạo. Ngoài ra phối hợp cùng doanh nghiệp tổ chức thực tập, các khóa đào tạo kiến thức và kỹ năng thực tế cho sinh viên; tham gia hội đồng chấm cũng như các hội đồng thẩm định Khóa luận tốt, đồ án, luận văn thạc sỹ, luận án tiến sỹ; tham gia công tác huấn luyện và là trưởng đoàn Olympic sinh viên vật lý trường Đại học Công Nghệ trong nhiều năm tham gia các kỳ thi Olympic Vật lý sinh viên toàn quốc và được hội vật lý Việt Nam trao bằng khen về những đóng góp này. Thành viên hội đồng tuyển sinh Đại học trường Đại học Công nghệ. Thành viên hội đồng trường nhiệm kỳ 2022-2027. Đảm bảo chất lượng tuyển sinh đầu vào Đại học luôn giữ được chất lượng tuyển sinh đầu vào ở mức cao so với mặt bằng chung của ngành trong cả nước, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp được cải thiện hằng năm, sinh viên có việc làm ngay sau tốt nghiệp luôn giữ ở mức tốt. Trong 3 năm gần đây số lượng tuyển sinh sau đại học của Khoa được cải thiện đáng kể và vượt chỉ tiêu đề ra. Là thành viên chủ chốt tổ chức nhiều hội nghị/hội thảo do Khoa VLKT&CNNN đăng cai tổ chức, như Hội nghị quốc tế về Khoa học vật liệu tiên tiến năm 2019, 2022 (FMS 2019, 2022), Hội thảo song phương Nhật Bản – Việt Nam về Khoa học và Công nghệ cho Không gian và Trái đất năm 2023 (JVBSESE 2023), Diễn đàn sinh viên nghiên cứu khoa học các Trường Đại học kỹ thuật 2023 (Student Forum 2023)

Căn cứ theo Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg ngày 31/8/2018 được sửa đổi bổ sung một số điều tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ, tôi nhận thấy bản thân đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn để xét đạt chức danh Phó Giáo Sư.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 18 năm 0 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2019 - 2020				2	411.75		411.75/499.48/220.5
2	2020 - 2021		1		7	218	20	238/469.5/202.5
3	2021 - 2022		1		6	194	50	244/262/202.5

03 năm học cuối								
4	2022 - 2023		1		11	189	30	219/434.6/189
5	2023 - 2024		1		4	217. 5	60	277.5/410.5/189
6	2024-2025				7	221. 3	109. 5	330.8/515.45/189

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; Tại nước: năm

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☒:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Đại học Bách Khoa Hà Nội số bằng: CN2022/0078/B2; năm cấp: 2022

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Bằng Đại học

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVC H/CK 2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Cao Việt Anh		X	X		11/2015 đến 05/2016	Trường Đại học Công Nghệ - Đại học Quốc Gia Hà Nội	20/6/2017, 574/QĐ-ĐT
2	Nguyễn Đăng Cơ		X	X		06/2018 đến 05/2019	Trường Đại học Công nghệ - Đại học Quốc Gia Hà Nội	21/6/2019, 664/QĐ-ĐT
3	Trần Văn Hiệp		X	X		06/2019 đến 05/2020	Trường Đại học Công nghệ - Đại học Quốc Gia Hà Nội	21/7/2020, 467/QĐ-ĐT

4	Trần Đức Huy		X	X		06/2019 đến 05/2020	Trường Đại học Công nghệ - Đại học Quốc Gia Hà Nội	21/7/2020, 467/QĐ-ĐT
5	Trần Đức Đông		X		X	07/2024 đến 06/2025	Trường Đại học Công nghệ - ĐHQG Hà Nội	25/06/2025

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ tran g ... đến tran g)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ							
1	Điện gió nguyên lý và ứng dụng	GT	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2024	3	CB	(Từ trang 21- 121)	

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ()

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/T K	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Nghiên cứu các vật liệu nano có tính chất từ tối ưu cho các sensor dựa trên kỹ thuật spintronics	CN	QC 09.13, cấp Cơ sở	30/06/20 09 đến 20/06/20 10	30/12/2010, Tốt
2	Thiết kế chế tạo cảm biến đo từ trường nhỏ dạng cầu Wheatstone dựa trên các hiệu ứng từ điện trở, ứng dụng trong cảm biến sinh học và các thiết bị đo sử dụng từ trường trái đất	CN	CN.12.0 9, cấp Cơ sở	20/07/20 12 đến 20/07/20 13	16/07/2013, Tốt

Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
3	Nghiên cứu và chế tạo thiết bị đo nhịp tim và chẩn đoán các bệnh về tim mạch cầm tay bằng phương pháp không xâm lấn thông qua đo từ trường nhiễu loạn trong mạch máu.	CN	QG 16.26, cấp Bộ	4/1/2016 đến 4/1/2019	4/4/2019
4	Nghiên cứu chế tạo thiết bị hỗ trợ giám sát, cảnh báo và kiểm soát độ mặn của nước sông phục vụ trong nông nghiệp, ứng phó biến đổi khí hậu	CN	QG21.3 1, cấp Bộ	5/4/2021 đến 5/4/2024	6/6/2024, Tốt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Planar Hall bead array counter microchip with NiFe/IrMn bilayers	6	Có	Journal of Applied Physics	x - SCIE IF: 2.251, Q1	26	Volume 104, No.7	10/2008
2	Optimization of planar Hall effect sensor for magnetic bead detection using spin-valve NiFe/Cu/NiFe/IrMn structures	5	Có	Journal of Physics: Conference Series	x - Scopus	9	Volume 187	09/2009
3	Optimization of spin-valve structure NiFe/Cu/NiFe/IrMn for planar Hall effect based biochips	7	Có	IEEE Transactions on Magnetics	X - SCIE IF: 1.3, Q2	27	Volume 45, No. 6	06/2009
4	Sensitivity dependence of the planar Hall effect sensor on the free layer of	5	Không	IEEE Transactions on Magnetics	x - ISI IF: 1.3, Q2	6	Volume 45, No. 6, 2374 - 2377	05/2009

	the spin-valve structure							
5	Influence of CoFe and NiFe pinned layers on sensitivity of planar Hall biosensors based on spin-valve structures	4	Có	Advances in Natural Sciences: Nanoscience and Nanotechnology	x - ESCI IF: 0.97, Q2	8	Volume 3, No. 4	10/2012
6	Metglas/PZT-magnetoelectric 2-D geomagnetic device for computing precise angular position	5	Không	IEEE Transactions on Magnetics	x - SCIE IF: 1.957, Q2	34	Volume 49, No. 8, 4839-4842	08/2013
7	High-sensitivity planar Hall sensor based on simple giant magneto resistance NiFe/Cu/NiFe structure for biochip application	4	Có	Advances in Natural Sciences: Nanoscience and Nanotechnology	x - SCIE IF: 1.17, Q2	10	Volume 4, No. 1	02/2013
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
8	Detection of magnetic nanoparticles using simple AMR sensors in Wheatstone bridge	7	Không	Journal of Science: Advanced Materials and Devices	x - SCIE	9	Volume 1, No. 1, 98-102	03/2016
9	DNA-magnetic bead detection using disposable cards and the anisotropic magnetoresistive sensor	9	Không	Advances in Natural Sciences: Nanoscience and Nanotechnology	x - SCIE IF: 1.36, Q2	34	Volume 7, No. 4	10/2016
10	Mô phỏng, tính toán độ dày tối ưu của vật liệu tổ hợp cấu trúc nano hấp thụ năng lượng sóng điện từ	6	Có	Hội nghị Vật lý Chất rắn và Khoa học Vật liệu Toàn quốc – SPMS 2017, ISBN: 978-604-95-0326-9			710-173	10/2017

11	Nghiên cứu chế tạo mạch giám sát hệ thống chiếu sáng led dùng trong nông nghiệp	6	Có	Hội nghị Vật lý Chất rắn và Khoa học Vật liệu Toàn quốc – SPMS 2017, ISBN: 978-604-95-0326-9			714-717	10/2017
12	Nghiên cứu chế tạo các nguồn vi năng lượng vĩnh cửu dựa trên vật liệu FePt	6	Không	Hội nghị Vật lý Chất rắn và Khoa học Vật liệu Toàn quốc – SPMS 2017, ISBN: 978-604-95-0326-9			707-709	10/2017
13	Chế tạo thiết bị đo đặc trưng một số linh kiện bán dẫn phục vụ trong học tập và giảng dạy	6	Có	Hội nghị Vật lý Chất rắn và Khoa học Vật liệu Toàn quốc – SPMS 2017, ISBN: 978-604-95-0326-9			473-475	10/2017
14	Nghiên cứu, chế tạo cảm biến từ dựa trên hiệu ứng hall phẳng (PHE)	6	Không	Hội nghị Vật lý Chất rắn và Khoa học Vật liệu Toàn quốc – SPMS 2017, ISBN: 978-604-95-0326-9			51-55	10/2017
15	Design optimization of an anisotropic magnetoresistance sensor for detection of magnetic nanoparticles	7	Không	Journal of Electronic Materials	x IF: 1.676, Q2	26	Volume 48 997–1004	11/2018
16	Effect of crystallization temperature on energy-storage density and efficiency of lead-free Bi0.5 (Na0.8K0.2) 0.5 TiO3 thin films prepared by sol-gel method	7	Không	Journal of Science: Advanced Materials and Devices	x - SCIE IF: 4.2, Q1	16	Volume 4, No. 3, 370-375	04/2019
17	Simple planar Hall effect based sensors for low-magnetic field detection	7	Không	Advances in Natural Sciences: Nanoscience and Nanotechnology	x - SCIE IF: 3.2, Q2	11	Volume 10, No. 2	04/2019
18	Microstructure, magnetic and electrical	7	Không	The 4th International Conference on			PROCEEDINGS	10/2019

	properties of (La, Ni) co-doped BiFeO ₃ materials			Advanced Materials and Nanotechnology			ICAMN 20 12-16	
19	Structural, magnetic and electrical properties of Ho and Ni co-doped BiFeO ₃ materials	6	Không	Vietnam Journal of Science and Technology	- SCIE IF: 0.327		Volume 58, No. 2, 152-161	12/2019
20	Meander anisotropic magnetoresistance bridge geomagnetic sensors	7	Không	Journal of Science: Advanced Materials and Devices	x - SCIE IF: 4.2, Q1	17	Volume 4, No. 2, 327-332	04/2019
21	Absorption of electromagnetic waves by Fe ₃ O ₄ /Paraffin composite materials	5	Không	Communications in Physics			Volume 29, No. 1, 63-69	02/2019
22	Structural, Optical, Ferroelectric and Ferromagnetic Properties of Bi _{1-x} Gd _x FeO ₃ Materials	8	Không	Journal of Electronic Materials	x - SCIE IF: 1.9, Q2	33	Volume 49 4839-4842	05/2020
23	Structural evolution and magnetic properties of Bi _{0.86} Nd _{0.14} Fe _{1-x} Ti _x O ₃ ceramics	11	Không	Materials Chemistry and Physics	- SCIE IF: 4.778, Q2	4	Volume 270	06/2021
24	Ứng dụng từ trường trong thúc đẩy sinh trưởng, phát triển và sinh khối của cây trồng	10	Không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam			số chuyên đề (133)/2, 74-80	07/2021
25	Tiềm năng ứng dụng từ trường trong nghiên cứu cây trồng	7	Không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam	- ACI		Số 10 năm 2021, ISSN, 61-64	10/2021

26	Effect of Eu Doping on Structural, Optical and Magnetic Properties of BiFeO ₃ Materials	7	Không	VNU Journal of Science: Mathematics – Physics			Volume 38, No. 1, 58-64	08/2021
27	Characterization and Microwave Absorption Properties of Lead-Free Bi _{0.5} (Na _{0.80} K _{0.20}) 0.5 TiO ₃ Synthesized by Sol-Gel Method	11	Có	VNU Journal of Science: Mathematics – Physics			Volume 38, No. 1, 76-87	03/2022
28	Instability of the crystal and electronic structures due to hydrogenation influenced the magnetic properties of a La ₂ /3Ca ₁ /3MnO ₃ manganite	11	Có	Materials Transactions	x - SCIE IF: 1.2, Q3	4	Volume 64, No. 9, 2070–2076	01/2023
29	Fabrication and Electrical Properties of PSZT Piezoelectric Ceramic Ring for Ultrasonic Welding Application	9	Có	Materials Transactions	x - SCIE IF: 1.2, Q3		Volume 65, No. 1, 11-17	12/2023
30	Investigating the magnetic and magnetocaloric behaviors of LiSm (PO ₃) ₄	12	Không	Royal Society of Chemistry Advances	x - SCIE IF: 3.9, Q2	4	Volume 13 5753–5761	02/2023
31	First-principles investigation of divalent ion sensing with cesium lead trihalides	8	Không	Optical Materials: X	x - SCIE IF: 2.69, Q2	2	Volume 19, July 2023	07/2023
32	Synthesis and microwave absorption	15	Có	Materials Transactions	x - SCIE IF: 1.18, Q2		Volume 64, No.	08/2023

	properties of Novel Bi1/2 (Na0. 8K0. 2) 1/2TiO3/Fe3O4 composite						10, 2450-2456	
33	Multiferroic Property of 2D Hybrid Organic-Inorganic (C6H5C2H4NH 3) 2NiCl4 Perovskite Single Crystals	4	Không	Materials Transactions	x - SCIE IF: 1.18, Q3		Volume 64, No. 9, 2168-2173	08/2023
34	Investigating the effects of solvent and concentration of ZnO nanoparticles on the properties of Green-qdleds for display applications	6	Không	Tạp chí Khoa học và Kỹ thuật			Volume 1, No. 2	10/2023
35	Enhancement of Magnetic Field Strength and Gradient Produced by an Array of Micro-sized Parallelepiped Magnets	3	Không	VNU Journal of Science: Mathematics – Physics			Volume 39, No. 1, 74-82	03/2023
36	Research and synthesis of conductive PPY/CNC polymer for flexible electronics applications	6	Không	TNU Journal of Science and Technology	- ACI		Volume 228, No. 10, 436–442	07/2023
37	Nguồn phát cho máy hàn siêu âm sử dụng màng rung gốm áp điện ứng dụng hàn trên chất liệu vải không dệt	8	Không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam			65(10ĐB) 10.2023, Trang 24-29	07/2023
38	Electronic structure, and dielectric, magnetic and	7	Không	Journal of Magnetism and Magnetic Materials	x - SCIE IF: 2.5, Q2	6	Volume 588, Part B,	02/2023

	reflection-loss behaviors of BaFe _{12-x} MnxO ₁₉ (0 < x ≤ 2) hexaferrites							
39	Nghiên cứu, chế tạo máy phát thủy điện mini lắp đặt cho hệ thống ống dẫn nước của tòa nhà	5	Có	Hội nghị Vật lý Chất rắn và Khoa học Vật liệu Toàn quốc – SPMS 2023, ISBN: 978-604-316-308-7			495-499	08/2023
40	Simulation of electromagnetic wave absorption capability of nanostructured materials with optimal thickness	5	Có	Hội nghị Vật lý Chất rắn và Khoa học Vật liệu Toàn quốc – SPMS 2023, ISBN: 978-604-316-308-7			481-485	08/2023
41	Nghiên cứu, khảo sát tính chất của dung dịch chuyển pha ứng dụng trong lưu trữ nhiệt lạnh	5	Có	Hội nghị Vật lý Chất rắn và Khoa học Vật liệu Toàn quốc – SPMS 2023, ISBN: 978-604-316-308-7			500-504	08/2023
42	Nghiên cứu, chế tạo cảm biến xác định độ mặn của nước bằng phương pháp không tiếp xúc	8	Có	Hội nghị Vật lý Chất rắn và Khoa học Vật liệu Toàn quốc – SPMS 2023, ISBN: 978-604-316-308-7			510-514	08/2023
43	Fabrication process of ceramic capacitor derived from lead-free Bi _{0.5} (Na _{0.8} K _{0.2}) _{0.5} TiO ₃ bulk and powder synthesized via sol–gel method	14	Có	Applied Physics A	x - SCIE IF: 2.5, Q2		Volume 131, No. 36	12/2024
44	Enhanced photocatalytic activity and ferromagnetic ordering in	12	Không	Journal of Materials Science	x - SCIE IF: 3.5, Q1	3	Volume 59 9217–9236	05/2024

	hydrogenated Zn _{1-x} Co _x O							
45	Comparative Study on Magnetic and Electromagnetic Behaviors of ZnFe ₂ O ₄ and CoFe ₂ O ₄ Nanoparticles Synthesized by Hydrothermal Method	6	Không	Journal of Electronic Materials	x - SCIE IF: 2.2, Q2		Volume 54 977–984	12/2024
46	Enhanced magnetic ordering, and microwave-shielding and photocatalytic performance in hydrogenated ZnO nanoparticles	8	Không	Applied Surface Science	x - SCIE IF: 6.3, Q1		Volume 690	02/2025
47	Nghiên cứu khả năng hấp thụ năng lượng sóng điện từ của vật liệu tổ hợp chứa hạt nano Fe ₃ O ₄	7	Có	Hội nghị Vật lý Chất rắn và Khoa học Vật liệu Toàn quốc – SPMS 2017, 978-604-95-0326-9			718-722	10/2017
48	Thiết kế, chế tạo nguồn nuôi cho LED chiếu sáng theo tiêu chuẩn Nhật Bản	6	Có	Hội nghị Vật lý Chất rắn và Khoa học Vật liệu Toàn quốc – SPMS 2019			366-369	10/2019
49	Size – controlled synthesis of superparamagnetic Fe ₃ O ₄ Nanoparticles	4	Không	Hội nghị Vật lý Chất rắn và Khoa học Vật liệu Toàn quốc – SPMS 2019			469-473	10/2019
50	Hiện tượng bất ổn định trong các đường đo I-V của pin mặt trời cấu trúc ITO/Si:H/Ti/Au	4	Không	Hội nghị Vật lý Chất rắn và Khoa học Vật liệu Toàn quốc – SPMS 2021, ISBN: 978-604-316-839-6			310-313	08/2022
51	Thiết kế, chế tạo hệ biến đổi cơ - điện sử dụng thạch anh	4	Có	Hội nghị Vật lý Chất rắn và Khoa học Vật liệu Toàn quốc – SPMS 2021			699-703	08/2022

52	Nghiên cứu thử nghiệm buồng sấy nhiệt trên cơ sở hấp thụ năng lượng mặt trời	5	Có	Hội nghị Vật lý Chất rắn và Khoa học Vật liệu Toàn quốc – SPMS 2021			704-708	10/2022
53	Effect of annealing temperature on I-V curves of ITO/aSi:H junction	4	Không	The 4th International Workshop on Advanced Materials and Devices IWAMD 2023			ISBN: 978-604-350-27	08/2022
54	Magnetic, ferroelectric and energy storage properties of bismuth sodium-potassium titanate lead-free ceramic and thin film prepared by sol-gel method	10	Không	The 4th International Workshop on Advanced Materials and Devices IWAMD 2023			ISBN: 978-604-350-27	08/2023
55	Broadband microwave absorption properties of Fe ₃ O ₄ -BNKT composites in 2-18 GHz	9	Có	The 4th International Workshop on Advanced Materials and Devices IWAMD 2023				08/2023
56	Magnetic anisotropy in 2D hybrid organic-inorganic (C ₆ H ₅ C ₂ H ₄ NH ₃) ₂ (Ni _{1-x} Mn _x)Cl ₄ Perovskite crystals	5	Không	The 4th International Workshop on Advanced Materials and Devices IWAMD 2023				08/2023
57	Nghiên cứu đáp ứng của cảm biến không tiếp xúc với sự thay đổi của nồng độ ion kim loại Cu ²⁺ trong môi trường nước	3	Có	Hội nghị Vật lý Chất rắn và Khoa học Vật liệu Toàn quốc – SPMS 2023, ISBN: 978-604-316-308-7				08/2023
58	La bàn 2D ứng dụng trong các	4	Không	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Khoa học	- ACI		Vol 31, No. 4, dec.	07/2015

	trạm thu vệ tinh di động			Tự nhiên và Công nghệ				
59	Nghiên cứu tổng hợp vật liệu nano GO/Fe ₃ O ₄ trên nền than hoạt tính ứng dụng loại bỏ ASEN trong nước	5	Không	TNU Journal of Science and Technology	- ACI		Volume 226, No. 16, 45-52	11/2021
60	Tăng cường độ nhạy cảm biến từ điện trở dị hướng dựa trên màng Ni ₂₀ Fe ₈₀ sử dụng cấu hình dạng cầu wheatstone đa thanh	4	Không	Hội nghị Vật lý Chất rắn và Khoa học Vật liệu Toàn quốc – SPMS 2021				08/2022

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 4 ([28] [29] [32] [43])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 0

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Hệ thống chiếu sáng bằng đèn Led cho cây rau mầm	Cục sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ https://www.ipvietnam.gov.vn/documents/20182/1262728/2827.pdf/bea04f84-985e-446b-abe0-1ee9dd3fbf2b	24/01/2022	Tác giả chính	4
2	Thiết bị đo nồng độ ion muối trong dung dịch chất lỏng	Cục sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ https://www.ipvietnam.gov.vn/documents/20182/1863506/4043.pdf/1d7d6419-9710-44ec-93e8-573b06faba2a	27/02/2025	Tác giả chính	4

3	Quy trình chế tạo hạt nano oxit sắt từ Fe ₃ O ₄ cấu trúc tinh thể đơn tà bằng phương pháp thủy nhiệt với sự hỗ trợ của nguồn năng lượng điện từ	Cục sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ https://www.ipvietnam.gov.vn/documents/20182/1697943/39673.pdf/8a76ce3c-34a7-44c2-adfb-3a229410e340	4/4/2024	Đồng tác giả	6
---	---	--	----------	--------------	---

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: 2 / [1; 2;]

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

T T	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
1	Công nghệ Vật liệu và Vi điện tử	Tham gia	2368/QĐ-ĐHCN ngày 13/09/2024	Trường Đại học Công nghệ - ĐHQG Hà Nội	3078/QĐ-ĐHCN	Xây dựng chương trình đào tạo
2	Kỹ sư kỹ thuật năng lượng	Chủ trì	326A/QĐ-ĐHCN, ngày 14/4/2023	Trường Đại học Công nghệ - ĐHQG Hà Nội	876/QĐ-ĐHCN	Cập nhật chương trình đào tạo
3	Cử nhân ngành Vật lý kỹ thuật	Chủ trì	326A/QĐ-ĐHCN, ngày 14/4/2023	Trường Đại học Công nghệ - ĐHQG Hà Nội	874/QĐ-ĐHCN	Cập nhật chương trình đào tạo
4	Thạc sĩ chuyên ngành Vật liệu và Linh kiện nano	Chủ trì	1076/QĐ-ĐHCN, ngày 27/10/2023	Trường Đại học Công nghệ - ĐHQG Hà Nội	1947/QĐ-ĐHCN	Cập nhật chương trình đào tạo
5	Tiến sĩ Vật liệu và Linh kiện nano	Chủ trì	1076/QĐ-ĐHCN, ngày 27/10/2023	Trường Đại học Công nghệ - ĐHQG Hà Nội	1957/QĐ-ĐHCN	Cập nhật chương trình đào tạo

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2025

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)